TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** TỈNH HƯNG YÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 27/2019/HSST
Ngày 04/6/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M – TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Trọng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Khải và ông Phan Xuân Hùng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh - Cán bộ Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Phượng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã M .

Ngày 04/6/2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân thị xã M mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 28/2019/HSST ngày 26/4/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/HSST - QĐ ngày 17/5/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Sơn, sinh năm 1996, tại xã M, huyện M, tỉnh Nam Định; Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12;

Con ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị N;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền sự, Tiền án: Không;

Nhân thân: Ngày 04/01/2011, Chủ tịch UBND huyện M, tỉnh Nam Định Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 12 tháng (Đã chấp hành xong theo Giấy chứng nhận số 408/GCN-TGD ngày 05/12/2011 của Trường Giáo dưỡng số 2 - Tổng cục Cảnh sát thi hành án, hỗ trợ tư pháp);

Tạm giữ từ ngày 11/3/2019, tạm giam từ ngày 13/03/2019, đến ngày 14/3/2019 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đào Hữu Quý, sinh năm 1952; Trú tại: Tổ dân phố L, phường N, thị xã M , tỉnh Hưng Yên; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 ngày 11/3/2019, Công an huyện M , tỉnh Hưng Yên phối hợp với Công an thị trấn B, huyện M thực hiện công tác tuần tra trên địa bàn thị trấn B, huyện M . Khi tổ tuần tra đi đến khu nhà trọ Văn Minh 2, thuộc Phố N, thị trấn B thì phát hiện Nguyễn Văn S và một nam thanh niên (chưa rõ tên tuổi, địa chỉ) có biểu hiện Tàng trữ trái phép chất ma túy nên đã tiến hành kiểm tra. Khi kiểm tra đã thu giữ vật chứng: Tại ngực trái S dán một miếng băng dính phía trong băng dính có 03 gói nilon nhỏ bên trong có chất tinh thể màu trắng dạng cục (đã niêm phong); thu tại túi quần trái và phải phía trước của S 01 chiếc chìa khóa treo miếng nhựa có chữ "HOTEL ĐÀ LẠT PHÒNG 203" và 01 chiếc sim điện thoại. Còn nam thanh (chưa rõ tên tuổi, địa chỉ) đã bỏ chạy thoát.

Ngày 11/3/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M tiến hành khám xét tại khách sạn Đà Lạt ở khu đô thị V, Phố N thị trấn B, huyện M và khám xét chỗ ở của Nguyễn Văn S, kết quả khám xét đều không thu giữ được gì thêm.

Tại Kết luận giám định số 221/PC09 ngày 30/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên, kết luận: Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng trong niêm phong thu của Nguyễn Văn S, có tổng khối lượng là 0,452 gam là ma túy, loại Methamphetamine.

Hoàn lại đối tượng giám định gồm: 0,388 gam Methamphetamine trong niêm phong giao cho Công an huyện M quản lý.

Nguyễn Văn S thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, S còn khai: S là đối tượng nghiện ma túy, qua quan hệ xã hội, S quen anh Lê S H, sinh năm 1987 ở thôn K, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội. Khoảng 21 giờ ngày 10/3/2019, S đi đến khu vực Cầu P, huyện G, thành phố Hà Nội để chơi với anh H. Đến nơi, S gặp anh H và một nam thanh niên (không rõ tên tuổi, địa chỉ và là bạn của anh H) rồi cả ba người cùng đi chơi. Đến sáng ngày 11/3/2019, anh H có việc đi về trước còn S và nam thanh niên trên đi xuống khu vực thị trấn B, huyện M , tỉnh Hưng Yên, S và nam thanh niên vào thuê phòng 203 của khách sạn ĐÀ LẠT ở khu đô thị V, Phố N, thị trấn B, huyện M . Tại đây, S mượn ông Q là người quản lý khách sạn một cuộn băng dính rồi cùng nam thanh niên vào phòng nghỉ, lúc này nam thanh niên lấy trong người ra 03 gói ma túy đưa cho S rồi nói: "Cầm hộ anh 03 gói ma túy để sử dụng". S cầm, rồi lấy băng dính dán 03 gói ma túy vào ngực trái của S. Sau đó, cả hai trả phòng khách sạn để đi về. Khi S và nam thanh niên đi đến khu nhà trọ Văn Minh 2, thuộc Phố N, thị trấn B thì bị lực lượng Công an phát hiện kiểm tra, nam thanh niên đã chạy thoát còn S bị phát hiện và thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Quá trình điều tra: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã tiến hành làm việc với anh Lê Sơn H, anh H xác định chỉ biết nam thanh niên như S đã khai giới thiệu tên Q ở Thường T, Hà Nội còn cụ thể tên, tuổi, địa chỉ thì anh H không biết. Anh H không biết S và nam thanh niên cất giấu ma túy trong người nên không đủ căn cứ xử lý đối với anh H. Còn đối với nam thanh niên (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) đi cùng S, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh làm rõ sẽ giải quyết sau.

Đối với ông Đào Hữu Q đã cho S và nam thanh niên thuê phòng của khách sạn Đà Lạt và cho S mượn cuộn băng dính nhưng ông Q không biết S và nam thanh niên thuê phòng để giấu ma túy trong người nên không có căn cứ để xử lý đối với ông Q.

Đối với một số vật chứng gồm: 01 chiếc chìa khóa treo miếng nhựa có chữ "HOTEL ĐÀ LẠT PHÒNG 203"là của ông Đào Hữu Q quản lý khách sạn. Ngày 19/4/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã trả chiếc chìa khóa trên cho ông Q, ông Q nhận lại tài sản và không yêu cầu đề nghị gì.

Đối với chiếc 01 chiếc sim điện thoại đã thu giữ là tài sản hợp pháp của S. S không sử dụng vào việc phạm tội. S không có nhu cầu nhận lại tài sản trên, còn miếng băng dính đã thu giữ là vật chứng S sử dụng để cất giấu ma túy.

Tại bản cáo trạng số 28/CT - VKSMH ngày 26/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện M (nay là Viện kiểm sát nhân dân thị xã M) truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Tại phiên toà:

+ Bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S 01 năm 09 tháng tù - 02 năm tù, nhưng được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2019 đến ngày 13/3/2019 là 03 ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án;

Vật chứng và biện pháp tư pháp: Tịch thu cho tiêu huỷ 01 chiếc sim điện thoại mạng Viettel trên sim có dãy số 8984048000006307114, 01 miếng băng dính có kích thước (6,2 x 4,6)cm và 01 chiếc phong bì niêm phong số 221/PC09 hoàn lại mẫu vật sau giám định;

Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra và phù hợp khách quan với Biên bản kiểm tra của Công an huyện M lập đối với Nguyễn Văn S, bản ảnh kiểm tra, biên bản niêm phong vật chứng, lời khai của người làm chứng là các anh Chu Văn H và Nguyễn Văn H, kết luận giám định, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định: Khoảng 08 giờ ngày 11/3/2019, tại đoạn đường trước cửa khu nhà trọ Văn Minh 2, thuộc Phố N, thị trấn B (nay là phường B), huyện M (nay là thị xã M), tỉnh Hưng Yên, Nguyễn Văn S đang cất giấu trong người 03 gói chất ma tuý, loại Methamphetamine, có tổng khối lượng 0,452 gam thì bị phát hiện và thu giữ vật chứng. Hành vi cất giấu trái phép chất ma tuý của S đã thoả mãn đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý. Do khối lượng chất ma tuý bị cáo tàng trữ là dưới 05 gam, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện M (nay là Viện kiểm sát nhân dân thị xã M) truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người sử dụng chất ma tuý, biết rõ tác hại của ma tuý gây suy giảm nghiêm trọng cho sức khoẻ của người sử dụng, gây khánh kiệt về kinh tế cho bản thân và gia đình, ma tuý cũng là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác; bị cáo có nhân thân không tốt, đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 12 tháng, cũng như bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma tuý tại trung tâm, bị cáo biết rõ các chế tài nghiêm khắc của nhà nước áp dụng cho hành vi vi phạm pháp luật về ma tuý, nhưng để thoả mãn nhu cầu của bản thân, bị cáo vẫn tàng trữ chất ma tuý về sử dụng, bị quần chúng nhân dân lên án mạnh mẽ. Do vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, đồng thời cách ly bị cáo khỏi xã hội trong một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo ý thức chấp hành pháp luật và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét trong giai đoạn điều tra và tại phiên toà, bị cáo khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn

hối hận về hành vi phạm tội, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng, có thời gian dài sử dụng chất ma tuý, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Vật chứng và biện pháp tư pháp: Chiếc phong bì hoàn lại mẫu vật sau giám định là vật nhà nước cấm lưu hành, miếng băng dính là phương tiện được bị cáo sử dụng để cất giấu chất ma tuý và chiếc sim điện thoại tuy không liên quan tới hành vi phạm tội nhưng bị cáo không yêu cầu nhân lại, nên đều tịch thu cho tiêu huỷ.

[7] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý;

2. Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

3. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù, nhưng được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2019 đến ngày 13/3/2019 là 03 ngày, còn phải chấp hành tiếp 01 (một) năm 09 (chín) tháng 27 (hai mươi bẩy) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án;

4. Vật chứng và biện pháp tư pháp:

Tịch thu cho tiêu huỷ 01 chiếc sim điện thoại mạng Viettel trên sim có dãy số 8984048000006307114, 01 miếng băng dính có kích thước (6,2 x 4,6)cm và 01 chiếc phong bì niêm phong số 221/PC09 hoàn lại mẫu vật sau giám định;

5. Án phí:

Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

6. Quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND thị xã M ;
- CQĐT, THA Hình sự thị xã M ;
- THA Dân sự thị xã M ;
- Bị cáo; Đương sự;
  Lưu VP;
  Lưu HS.

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Tuấn Trọng